Tên Học phần : Triết học (4TC)

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	9	8	7.0		7.8	
2	2	Lê Quang	Anh	10	9	6.0		7.8	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	10	9	8.5		9.1	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	8	8	8.0		8.0	
5	5	Lê Công	Chiến	8	8	7.0		7.5	
6	6	Lê Văn	Cường	8	8	7.5		7.8	
7	7	Lê Bá	Đài	10	9	8.5		9.1	
8	8	Lê Thùy	Dung	9	9	8.0		8.5	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	9	8	6.0		7.3	
10	10	Lê Thu	Hà	8	8	8.5		8.3	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	10	9	6.5		8.1	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	8	9	7.0		7.7	
13	13	Hồ Thị	Hoa	10	9	8.0		8.8	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	9	8	7.5		8.1	
15	15	Ngô Duy	Hưng	10	9	7.0		8.3	
16	16	Lê Thị	Hương	10	9	7.0		8.3	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	9	8	5.0		6.8	
18	18	Lê Thị	Huyền	9	8	9.0		8.8	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	8	8	6.0		7.0	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	9	9	9.0		9.0	
21	21	Trần Cao	Nguyên	8	9	7.0		7.7	
22	22	Hoàng Thị	Phương	10	9	6.0		7.8	
23	23	Lê Đỗ	Quý	8	8	6.0		7.0	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	8	8	6.5		7.3	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	8	8	6.0		7.0	
26	26	Vũ Thị	Thuận	8	8	7.0		7.5	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	8	8	6.0		7.0	
28	28	Mai Đình	Thủy	8	8	7.0		7.5	
29	29	Phan Anh	Tiến	8	8	7.0		7.5	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	8	8	7.5		7.8	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	8	8	8.5		8.3	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	8	8	7.0		7.5	
33	33	Phạm Thị	Trang	8	9	8.5		8.5	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	8	8	7.0		7.5	
35	35	Thiều Minh	Tú	8	8	7.0		7.5	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	8	9	8.5		8.5	
37	37	Lê Anh	Tuấn	8	8	8.0		7.5	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	8	8	6.5		7.3	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	10	9	8.0		8.8	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	8	9	7.0		7.7	

Tên Học phần : Tiếng Anh 1 (3 TC)

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	9	7.5	8.5		8.5	
2	2	Lê Quang	Anh	8.5	9	8.0		8.4	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	9	7.5	8.0		8.2	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	7.5	9	8.0		8.1	
5	5	Lê Công	Chiến	8.5	8	6.5		7.4	
6	6	Lê Văn	Cường	8	8	7.0		7.5	
7	7	Lê Bá	Đài	7.5	9	6.0		7.1	
8	8	Lê Thùy	Dung	8	9	8.0		8.2	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	7.5	9	6.5		7.3	
10	10	Lê Thu	Hà	8.5	9	8.5		8.6	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	8	9	6.0		7.2	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	8.5	7.5	8.0		8.1	
13	13	Hồ Thị	Hoa	8	8	7.5		7.8	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	8	8.5	7.0		7.6	
15	15	Ngô Duy	Hưng	9	7.5	6.5		7.5	
16	16	Lê Thị	Hương						
17	17	Nguyễn Quang	Huy	7.5	7.5	6.5		7.0	
18	18	Lê Thị	Huyền	8	8.5	7.5		7.9	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	9	8	7.0		7.8	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	8	8.5	7.0		7.6	
21	21	Trần Cao	Nguyên	9	8	5.5		7.1	
22	22	Hoàng Thị	Phương	9	8	8.0		8.3	
23	23	Lê Đỗ	Quý	9	8.5	6.5		7.7	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	9	8	8.0		8.3	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	7.5	7.5	6.0		6.8	
26	26	Vũ Thị	Thuận	9	8.5	8.0		8.4	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	7.5	8	6.0		6.9	
28	28	Mai Đình	Thủy	9	8	6.0		7.3	
29	29	Phan Anh	Tiến	8	8	6.0		7.0	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	9	8	7.0		7.8	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	7.5	8.5	7.0		7.5	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	8	8	7.0		7.5	
33	33	Phạm Thị	Trang	8	7.5	7.5		7.7	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	8	8	6.5		7.3	
35	35	Thiều Minh	Tú	8	7.5	6.0		6.9	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	9	8	6.0		7.3	
37	37	Lê Anh	Tuấn	7.5	8	6.0		5.5	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	9	8	6.5		7.6	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	9	8	6.0		7.3	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	9	8	6.5		7.6	

Tên Học phần : Tiếng Anh 2 (3TC)

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	9	8	7.0		7.8	
2	2	Lê Quang	Anh	9	8	8.5		8.6	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	9	7	7.5		7.9	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	8	9	8.5		8.5	
5	5	Lê Công	Chiến	9	7	7.5		7.9	
6	6	Lê Văn	Cường	8	8	7.5		7.8	
7	7	Lê Bá	Đài	8	8	7.0		7.5	
8	8	Lê Thùy	Dung	8	7	8.0		7.8	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	8.5	9	7.5		8.1	
10	10	Lê Thu	Hà	8	9	8.5		8.5	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	8	9	7.0		7.7	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	8.5	7	8.0		8.0	
13	13	Hồ Thị	Hoa	8	7	7.0		7.3	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	9	9	8.0		8.5	
15	15	Ngô Duy	Hưng	8	8	7.0		7.5	
16	16	Lê Thị	Hương						
17	17	Nguyễn Quang	Huy	8	7	8.0		7.8	
18	18	Lê Thị	Huyền	9	7	7.5		7.9	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	8	8.5	7.5		7.9	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	9	8	7.5		8.1	
21	21	Trần Cao	Nguyên	8	8	7.5		7.8	
22	22	Hoàng Thị	Phương	8	7.5	7.5		7.7	
23	23	Lê Đỗ	Quý	8	9	8.0		8.2	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	8	9	7.5		8.0	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	8	8	7.5		7.8	
26	26	Vũ Thị	Thuận	8	9	7.0		7.7	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	8	9	8.0		8.2	
28	28	Mai Đình	Thủy	8	8	7.5		7.8	
29	29	Phan Anh	Tiến	8	7	8.0		7.8	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	8	9	7.5		8.0	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	8	8.5	8.0		8.1	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	8	7	7.5		7.6	
33	33	Phạm Thị	Trang	8	7	8.5		8.1	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	8	7	8.0		7.8	
35	35	Thiều Minh	Tú	8	8	8.0		8.0	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	8	8	8.0		8.0	
37	37	Lê Anh	Tuấn	9	8	8.5		8.6	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	8	8			4.0	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	8	8	8.0		8.0	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	8	9	8.5		8.5	

Tên Học phần : PPNC Khoa học(2tc)

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	8	10	8.0		8.4	
2	2	Lê Quang	Anh	8.5	10	7.0		8.1	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	8.5	10	9.0		8.9	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	8.5	10	8.0		8.4	
5	5	Lê Công	Chiến	8	10	7.0		8.1	
6	6	Lê Văn	Cường	8	10	8.0		8.6	
7	7	Lê Bá	Đài	8.5	10	8.0		8.6	
8	8	Lê Thùy	Dung	8.5	10	8.0		8.4	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	8.5	10	7.0		8.1	
10	10	Lê Thu	Hà	8	10	8.0		8.6	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	8.5	10	6.0		7.6	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	8.5	10	8.0		8.6	
13	13	Hồ Thị	Hoa	8.5	10	8.0		8.6	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	8.5	10	8.0		8.6	
15	15	Ngô Duy	Hưng	8.5	10	6.0		7.4	
16	16	Lê Thị	Hương	8.5	10	8.0		8.6	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	8	10	6.0		7.3	
18	18	Lê Thị	Huyền	8.5	10	7.0		7.9	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	7.5	10	7.0		8.1	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	8	10	8.0		8.6	
21	21	Trần Cao	Nguyên	8.5	10	7.0		7.9	
22	22	Hoàng Thị	Phương	8.5	10	7.0		8.1	
23	23	Lê Đỗ	Quý	8	10	8.0		8.4	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	8.5	10	7.0		8.1	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	8	10	6.0		7.4	
26	26	Vũ Thị	Thuận	8.5	10	8.0		8.6	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	8	10	8.0		8.4	
28	28	Mai Đình	Thủy	8.5	10	8.0		8.4	
29	29	Phan Anh	Tiến	8	9	8.0		8.4	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	8	10	7.0		8.1	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	8.5	10	7.0		7.9	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	8.5	9	7.0		7.7	
33	33	Phạm Thị	Trang	8	10	9.0		8.9	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	8	10	9.0		8.9	
35	35	Thiều Minh	Tú	5	10	8.0		7.5	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	8	10	7.0		7.9	
37	37	Lê Anh	Tuấn	8.5	10	9.0		9.1	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	8.5	9	7.0		7.9	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	8.5	10	9.0		9.1	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	8.5	10	8.0		8.6	

Tên HP : Kỹ năng quản trị(2 TC)

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	7	8	7.0		7.2	
2	2	Lê Quang	Anh	9	8	9.0		8.8	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	8	8	9.0		8.5	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	8	7	6.0		6.8	
5	5	Lê Công	Chiến	8	7	8.0		7.8	
6	6	Lê Văn	Cường	7	7	7.0		7.0	
7	7	Lê Bá	Đài	8	8	8.0		8.0	
8	8	Lê Thùy	Dung	7	8	7.0		7.2	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	8	7	8.0		7.8	
10	10	Lê Thu	Hà	7	7	9.0		8.0	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	8	8	7.0		7.5	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	8	7	7.0		7.3	
13	13	Hồ Thị	Hoa	7	7	7.0		7.0	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	7	7	7.0		7.0	
15	15	Ngô Duy	Hưng	8	8	6.0		7.0	
16	16	Lê Thị	Hương	8	8	7.0		7.5	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	7	8	6.0		6.7	
18	18	Lê Thị	Huyền	8	7	7.0		7.3	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	7	8	6.0		6.7	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	8	8	7.0		7.5	
21	21	Trần Cao	Nguyên	9	7	6.0		7.1	
22	22	Hoàng Thị	Phương	9	8	8.0		8.3	
23	23	Lê Đỗ	Quý	8	8	8.0		8.0	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	9	8	9.0		8.8	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	9	8	7.0		7.8	
26	26	Vũ Thị	Thuận	8	7	8.0		7.8	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	8	7	8.0		7.8	
28	28	Mai Đình	Thủy	8	8	8.0		8.0	
29	29	Phan Anh	Tiến	7	7	9.0		8.0	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	8	7	9.0		8.3	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	8	7	8.0		7.8	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	7	7	7.0		7.0	
33	33	Phạm Thị	Trang	7	8	7.0		7.2	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	7	7	7.0		7.0	
35	35	Thiều Minh	Tú	8	7	7.0		7.3	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	8	8	8.0		8.0	
37	37	Lê Anh	Tuấn	8	8	8.0		8.0	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	8	8	7.0		7.5	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	7	8	8.0		7.7	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	8	7	8.0		7.8	

Tên Học phần : Kinh tế học quản lý

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	6	6	6.0		6.0	
2	2	Lê Quang	Anh	8	9	8.0		8.2	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	8	7	6.0		6.8	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	6	6	7.0		6.5	
5	5	Lê Công	Chiến	6	7	6.0		6.2	
6	6	Lê Văn	Cường	6	6	7.0		6.5	
7	7	Lê Bá	Đài	8	9	7.0		7.7	
8	8	Lê Thùy	Dung	6	6	7.0		6.5	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	7	8	5.0		6.2	
10	10	Lê Thu	Hà	6	7	7.0		6.7	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	8	9	7.0		7.7	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	6	7	6.0		6.2	
13	13	Hồ Thị	Hoa	8	8	6.0		7.0	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	7	8	6.0		6.7	
15	15	Ngô Duy	Hưng	7	8	7.0		7.2	
16	16	Lê Thị	Hương	8	8	6.0		7.0	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	7	7	7.0		7.0	
18	18	Lê Thị	Huyền	6	6	6.0		6.0	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	8	8	8.0		8.0	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	8	8	5.0		6.5	
21	21	Trần Cao	Nguyên	8	7	7.0		7.3	
22	22	Hoàng Thị	Phương	6	7	6.0		6.2	
23	23	Lê Đỗ	Quý	6	7	7.0		6.7	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	6	9	6.0		6.6	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	6	6	6.0		6.0	
26	26	Vũ Thị	Thuận	6	7	6.0		6.2	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	8	9	7.0		7.7	
28	28	Mai Đình	Thủy	6	6	6.0		6.0	
29	29	Phan Anh	Tiến	8	8	7.0		7.5	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	7	7	6.0		6.5	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	6	6	7.0		6.5	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	6	6	5.0		5.5	
33	33	Phạm Thị	Trang	7	7	7.0		7.0	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	7	7	6.0		6.5	
35	35	Thiều Minh	Tú	6	6	6.0		6.0	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	7	7	6.0		6.5	
37	37	Lê Anh	Tuấn	8	8	7.0		7.5	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	7	7	6.0		6.5	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	8	8	7.0		7.5	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	8	8	5.0		6.5	

Tên Học phần : Tổ chức lãnh thổ kinh tế

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	7	9	7.0		7.4	
2	2	Lê Quang	Anh	8	10	8.0		8.4	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	8	10	8.0		8.4	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	7	9	7.0		7.4	
5	5	Lê Công	Chiến	7	8	7.0		7.2	
6	6	Lê Văn	Cường	7	8	7.0		7.2	
7	7	Lê Bá	Đài	8	10	7.0		7.9	
8	8	Lê Thùy	Dung	8	10	9.0		8.9	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	7	8	8.0		7.7	
10	10	Lê Thu	Hà	8	8	9.0		8.5	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	8	7	6.0		6.8	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	8	7	6.0		6.8	
13	13	Hồ Thị	Hoa	7	10	7.0		7.6	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	8	8	7.0		7.5	
15	15	Ngô Duy	Hưng	7	8	7.0		7.2	
16	16	Lê Thị	Hương	7	8	7.0		7.2	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	8	7	6.0		6.8	
18	18	Lê Thị	Huyền	7	10	8.0		8.1	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	7	10	7.0		7.6	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	8	9	7.0		7.7	
21	21	Trần Cao	Nguyên	8	9	7.0		7.7	
22	22	Hoàng Thị	Phương	8	9	8.0		8.2	
23	23	Lê Đỗ	Quý	7	10	7.0		7.6	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	8	10	7.0		7.9	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	7	6	6.0		6.3	
26	26	Vũ Thị	Thuận	7	8	7.0		7.2	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	7	10	7.0		7.6	
28	28	Mai Đình	Thủy	8	10	7.0		7.9	
29	29	Phan Anh	Tiến	7	8	7.0		7.2	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	8	8	8.0		8.0	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	8	10	8.0		8.4	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	7	10	7.0		7.6	
33	33	Phạm Thị	Trang	7	10	7.0		7.6	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	7	9	7.0		7.4	
35	35	Thiều Minh	Tú	8	9	7.0		7.7	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	8	10	8.0		8.4	
37	37	Lê Anh	Tuấn	8	10	6.0		7.4	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	7	10	7.0		7.6	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	7	9	8.0		7.9	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	8	10	8.0		8.4	

Tên Học phần : Kế toán quản trị nâng cao

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2		L2
1	1	Lê Huy	Anh	7	7	7.0		7.0	
2	2	Lê Quang	Anh	8	9	7.0		7.7	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	8	8	7.0		7.5	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	7	9	8.0		7.9	
5	5	Lê Công	Chiến	7	8	8.0		7.7	
6	6	Lê Văn	Cường	7	7	7.0		7.0	
7	7	Lê Bá	Đài	8	8	8.0		8.0	
8	8	Lê Thùy	Dung	8	8	8.0		8.0	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	8	9	8.0		8.2	
10	10	Lê Thu	Hà	8	9	7.0		7.7	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	8	9	8.0		8.2	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	7	7	8.0		7.5	
13	13	Hồ Thị	Hoa	8	8	8.0		8.0	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	7	7	8.0		7.5	
15	15	Ngô Duy	Hưng	8	8	8.0		8.0	
16	16	Lê Thị	Hương	8	8	9.0		8.5	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	7	7	6.0		6.5	
18	18	Lê Thị	Huyền	8	7	7.0		7.3	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	7	8	6.0		6.7	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	7	8	8.0		7.7	
21	21	Trần Cao	Nguyên	7	8	8.0		7.7	
22	22	Hoàng Thị	Phương	8	9	8.0		8.2	
23	23	Lê Đỗ	Quý	8	9	8.0		8.2	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	7	8	7.0		7.2	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	7	7	6.0		6.5	
26	26	Vũ Thị	Thuận	8	8	8.0		8.0	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	8	8	8.0		8.0	
28	28	Mai Đình	Thủy	7	8	6.0		6.7	
29	29	Phan Anh	Tiến	8	8	9.0		8.5	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	8	8	9.0		8.5	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	7	7	8.0		7.5	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	7	8	6.0		6.7	
33	33	Phạm Thị	Trang	7	8	6.0		6.7	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	8	8	6.0		7.0	
35	35	Thiều Minh	Tú	8	8	7.0		7.5	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	8	8	6.0		7.0	
37	37	Lê Anh	Tuấn	8	7	7.0		7.3	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	8	9	6.0		7.2	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	8	9	7.0		7.7	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	8	9	8.0		8.2	

Tên HP: Thị trường và các định chế tài chính

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	8	6	7.0		7.1	
2	2	Lê Quang	Anh	9	8	7.0		7.8	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	8	7	8.0		7.8	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	9	8	8.0		8.3	
5	5	Lê Công	Chiến	9	8	8.0		8.3	
6	6	Lê Văn	Cường	8	6	7.0		7.1	
7	7	Lê Bá	Đài	9	9	8.0		8.5	
8	8	Lê Thùy	Dung	8	9	9.0		8.7	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	9	7	9.0		8.6	
10	10	Lê Thu	Hà	8	8	8.0		8.0	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	8	7	8.0		7.8	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	8	6	7.0		7.1	
13	13	Hồ Thị	Hoa	8	7	8.0		7.8	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	8	8	8.0		8.0	
15	15	Ngô Duy	Hưng	8	8	8.0		8.0	
16	16	Lê Thị	Hương	9	9	8.0		8.5	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	8	6	8.0		7.6	
18	18	Lê Thị	Huyền	8	7	8.0		7.8	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	8	7	7.0		7.3	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	8	7	8.0		7.8	
21	21	Trần Cao	Nguyên	8	8	8.0		8.0	
22	22	Hoàng Thị	Phương	8	9	8.0		8.2	
23	23	Lê Đỗ	Quý	7	7	7.0		7.0	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	8	7	7.0		7.3	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	9	6	7.0		7.4	
26	26	Vũ Thị	Thuận	8	6	8.0		7.6	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	9	9	7.0		8.0	
28	28	Mai Đình	Thủy	9	9	7.0		8.0	
29	29	Phan Anh	Tiến	8	6	9.0		8.1	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	8	8	9.0		8.5	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	8	8	8.0		8.0	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	8	6	9.0		8.1	
33	33	Phạm Thị	Trang	9	6	9.0		8.4	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	8	8	9.0		8.5	
35	35	Thiều Minh	Tú	9	7	8.0		8.1	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	7	6	8.0		7.3	
37	37	Lê Anh	Tuấn	8	8	8.0		8.0	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	9	8	8.0		8.3	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	9	8	7.0		7.8	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	9	9	7.0		8.0	

Tên Học phần : Thuế trong kinh doanh

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	8	8	9.0		8.5	
2	2	Lê Quang	Anh	8	9	9.0		8.7	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	8	9	8.0		8.2	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	8	9	8.0		8.2	
5	5	Lê Công	Chiến	8	9	8.0		8.2	
6	6	Lê Văn	Cường	8	9	7.0		7.7	
7	7	Lê Bá	Đài	8	10	8.0		8.4	
8	8	Lê Thùy	Dung	9	9	8.0		8.5	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	8	8	9.0		8.5	
10	10	Lê Thu	Hà	8	9	9.0		8.7	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	8	10	9.0		8.9	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	8	8	8.0		8.0	
13	13	Hồ Thị	Hoa	8	8	8.0		8.0	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	8	8	8.0		8.0	
15	15	Ngô Duy	Hưng	8	9	8.0		8.2	
16	16	Lê Thị	Hương	9	10	9.0		9.2	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	8	8	8.0		8.0	
18	18	Lê Thị	Huyền	8	8	9.0		8.5	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	8	7	8.0		7.8	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	8	8	9.0		8.5	
21	21	Trần Cao	Nguyên	8	9	9.0		8.7	
22	22	Hoàng Thị	Phương	8	10	8.0		8.4	
23	23	Lê Đỗ	Quý	8	9	9.0		8.7	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	8	10	8.0		8.4	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	8	7	8.0		7.8	
26	26	Vũ Thị	Thuận	8	10	9.0		8.9	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	8	9	8.0		8.2	
28	28	Mai Đình	Thủy	8	9	8.0		8.2	
29	29	Phan Anh	Tiến	8	8	8.0		8.0	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	8	9	8.0		8.2	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	8	8	9.0		8.5	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	8	8	8.0		8.0	
33	33	Phạm Thị	Trang	8	8	9.0		8.5	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	8	6	9.0		8.1	
35	35	Thiều Minh	Tú	8	9	8.0		8.2	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	8	7	7.0		7.3	
37	37	Lê Anh	Tuấn	8	9	9.0		8.7	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	8	10	9.0		8.9	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	8	9	8.0		8.2	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	8	10	9.0		8.9	

Tên Hp : Quản lý NN về kinh tế

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	7	7	7.0		7.0	
2	2	Lê Quang	Anh	8	8	7.0		7.5	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	8	8	7.5		7.8	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	7	7	7.25		7.1	
5	5	Lê Công	Chiến	8	7	7.25		7.4	
6	6	Lê Văn	Cường	8	7	6.0		6.8	
7	7	Lê Bá	Đài	8	8	7.0		7.5	
8	8	Lê Thùy	Dung	8	8	8.0		8.0	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	8	8	7.25		7.6	
10	10	Lê Thu	Hà	7	8	8.0		7.7	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	8	8	6.0		7.0	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	8	8	7.0		7.5	
13	13	Hồ Thị	Hoa	7	7	7.0		7.0	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	7	7	7.5		7.3	
15	15	Ngô Duy	Hưng	8	8	6.0		7.0	
16	16	Lê Thị	Hương	8	8	7.0		7.5	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	8	7	6.25		6.9	
18	18	Lê Thị	Huyền	7	7	7.5		7.3	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	7	7	7.0		7.0	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	7	7	7.25		7.1	
21	21	Trần Cao	Nguyên	8	8	7.5		7.8	
22	22	Hoàng Thị	Phương	7	7	8.0		7.5	
23	23	Lê Đỗ	Quý	7	8	6.5		7.0	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	7	8	7.5		7.5	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	8	8	6.5		7.3	
26	26	Vũ Thị	Thuận	7	7	8.0		7.5	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	8	7	7.5		7.6	
28	28	Mai Đình	Thủy	7	8	7.0		7.2	
29	29	Phan Anh	Tiến	7	7	7.0		7.0	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	7	7	7.75		7.4	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	7	7	7.5		7.3	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	7	7	5.5		6.3	
33	33	Phạm Thị	Trang	8	7	7.0		7.3	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	7	7	7.0		7.0	
35	35	Thiều Minh	Tú	8	8	7.0		7.5	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	8	7	6.25		6.9	
37	37	Lê Anh	Tuấn	8	8	7.75		7.9	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	8	7	7.25		7.4	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	8	7	7.5		7.6	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	7	7	7.25		7.1	

Tên HP: QT Marketing nâng cao

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	7	9	8.0		7.9	
2	2	Lê Quang	Anh	8	10	9.0		8.9	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	8	9	7.0		7.7	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	7	8	8.0		7.7	
5	5	Lê Công	Chiến	7	7	7.0		7.0	
6	6	Lê Văn	Cường	7	7	7.5		7.3	
7	7	Lê Bá	Đài	8	10	9.5		9.2	
8	8	Lê Thùy	Dung	9	8	8.5		8.6	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	7	9	7.0		7.4	
10	10	Lê Thu	Hà	9	9	7.5		8.3	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	9	9	7.5		8.3	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	8	8	6.0		7.0	
13	13	Hồ Thị	Hoa	8	9	7.0		7.7	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	8	8	7.0		7.5	
15	15	Ngô Duy	Hưng	8	8	6.0		7.0	
16	16	Lê Thị	Hương	8	9	7.0		7.7	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	7	9	9.0		8.4	
18	18	Lê Thị	Huyền	9	7	6.5		7.4	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	7	7	8.0		7.5	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	9	7	7.0		7.6	
21	21	Trần Cao	Nguyên	7	10	8.0		8.1	
22	22	Hoàng Thị	Phương	9	8	7.0		7.8	
23	23	Lê Đỗ	Quý	7	9	7.0		7.4	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	9	10	6.5		8.0	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	7	8	7.5		7.5	
26	26	Vũ Thị	Thuận	9	8	7.0		7.8	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	8	8	8.0		8.0	
28	28	Mai Đình	Thủy	7	8	7.0		7.2	
29	29	Phan Anh	Tiến	8	7	8.0		7.8	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	7	7	6.0		6.5	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	8	8	8.0		8.0	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	8	9	6.5		7.5	
33	33	Phạm Thị	Trang	9	8	7.5		8.1	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	7	7	7.0		7.0	
35	35	Thiều Minh	Tú	7	8	8.0		7.7	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	7	7	7.5		7.3	
37	37	Lê Anh	Tuấn	9	10	8.0		8.7	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	7	8	5.0		6.2	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	7	8	8.5		8.0	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	8	9	6.0		7.2	

Tên HP : QTTC DN hiện đại

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	8	8	8.0		8.0	
2	2	Lê Quang	Anh	10	10	9.0		9.5	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	6	6	7.0		6.5	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	8	8	8.0		8.0	
5	5	Lê Công	Chiến	7	7	7.0		7.0	
6	6	Lê Văn	Cường	6	6	6.0		6.0	
7	7	Lê Bá	Đài	10	10	7.0		8.5	
8	8	Lê Thùy	Dung	7	7	7.0		7.0	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	7	7	7.0		7.0	
10	10	Lê Thu	Hà	7	7	7.0		7.0	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	9	9	9.0		9.0	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	6	6	9.0		7.5	
13	13	Hồ Thị	Hoa	8	8	9.0		8.5	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	7	7	8.0		7.5	
15	15	Ngô Duy	Hưng	7	7	8.0		7.5	
16	16	Lê Thị	Hương	10	10	8.0		9.0	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	7	7	7.0		7.0	
18	18	Lê Thị	Huyền	9	9	9.0		9.0	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	7	7	8.0		7.5	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	7	7	9.0		8.0	
21	21	Trần Cao	Nguyên	9	9	9.0		9.0	
22	22	Hoàng Thị	Phương	8	8	9.0		8.5	
23	23	Lê Đỗ	Quý	8	8	8.0		8.0	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	10	10	6.0		8.0	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	6	6	8.0		7.0	
26	26	Vũ Thị	Thuận	10	10	9.0		9.5	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	8	8	9.0		8.5	
28	28	Mai Đình	Thủy	7	7	8.0		7.5	
29	29	Phan Anh	Tiến	7	7	8.0		7.5	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	8	8	8.0		8.0	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	6	6	7.0		6.5	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	8	8	8.0		8.0	
33	33	Phạm Thị	Trang	7	7	8.0		7.5	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	7	7	8.0		7.5	
35	35	Thiều Minh	Tú	9	9	5.0		7.0	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	6	6	8.0		7.0	
37	37	Lê Anh	Tuấn	9	9	9.0		9.0	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	9	9	9.0		9.0	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	8	8	9.0		8.5	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	8	8	9.0		8.5	

Tên HP : QT chiến lược nâng cao

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	8	8	6.5		7.3	
2	2	Lê Quang	Anh	8	8	8.5		8.3	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	8	7	7.0		7.3	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	8	8	8.0		8.0	
5	5	Lê Công	Chiến	9	9	7.5		8.3	
6	6	Lê Văn	Cường	7	7	8.0		7.5	
7	7	Lê Bá	Đài	8	8	8.0		8.0	
8	8	Lê Thùy	Dung	9	9	7.5		8.3	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	7	7	7.0		7.0	
10	10	Lê Thu	Hà	8	8	8.5		8.3	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	9	9	6.0		7.5	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	8	8	7.0		7.5	
13	13	Hồ Thị	Hoa	7	8	6.5		7.0	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	8	8	7.5		7.8	
15	15	Ngô Duy	Hưng	8	9	7.0		7.7	
16	16	Lê Thị	Hương	8	9	8.5		8.5	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	7	7	6.0		6.5	
18	18	Lê Thị	Huyền	7	8	8.5		8.0	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	8	8	6.0		7.0	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	8	8	8.0		8.0	
21	21	Trần Cao	Nguyên	8	8	7.0		7.5	
22	22	Hoàng Thị	Phương	8	8	7.5		7.8	
23	23	Lê Đỗ	Quý	8	9	8.0		8.2	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	8	8	8.0		8.0	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	7	7	8.5		7.8	
26	26	Vũ Thị	Thuận	8	9	8.0		8.2	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	8	8	6.5		7.3	
28	28	Mai Đình	Thủy	8	8	7.5		7.8	
29	29	Phan Anh	Tiến	7	8	8.5		8.0	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	7	7	7.5		7.3	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	8	8	6.5		7.3	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	7	8	8.0		7.7	
33	33	Phạm Thị	Trang	7	7	7.0		7.0	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	8	8	8.5		8.3	
35	35	Thiều Minh	Tú	7	8	7.0		7.2	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	7	8	8.5		8.0	
37	37	Lê Anh	Tuấn	9	9	8.5		8.8	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	8	8	8.0		8.0	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	8	9	8.0		8.2	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	7	8	8.0		7.7	

Tên HP : QT nguồng nhân lực trong bối cảnh TCH

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				CC	KT	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	8	9	8.5		8.5	
2	2	Lê Quang	Anh	9	10	7.0		8.2	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	9	9	7.5		8.3	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	8	8	6.0		7.0	
5	5	Lê Công	Chiến	8	9	8.0		8.2	
6	6	Lê Văn	Cường	8	9	7.0		7.7	
7	7	Lê Bá	Đài	9	9	8.5		8.8	
8	8	Lê Thùy	Dung	8	9	7.5		8.0	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	8	8	5.0		6.5	
10	10	Lê Thu	Hà	8	8	6.0		7.0	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	8	9	9.0		8.7	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	8	8	6.5		7.3	
13	13	Hồ Thị	Hoa	9	9	6.0		7.5	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	8	9	8.0		8.2	
15	15	Ngô Duy	Hưng	9	8	6.0		7.3	
16	16	Lê Thị	Hương	9	9	7.0		8.0	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	9	8	5.0		6.8	
18	18	Lê Thị	Huyền	8	8	7.0		7.5	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	7	9	6.0		6.9	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	8	8	8.0		8.0	
21	21	Trần Cao	Nguyên	9	9	7.0		8.0	
22	22	Hoàng Thị	Phương	8	8	8.0		8.0	
23	23	Lê Đỗ	Quý	7	9	6.0		6.9	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	8	8	7.0		7.5	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	9	9	6.0		7.5	
26	26	Vũ Thị	Thuận	8	8	7.0		7.5	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	8	9	8.0		8.2	
28	28	Mai Đình	Thủy	8	9	8.0		8.2	
29	29	Phan Anh	Tiến	8	8	9.0		8.5	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	7	9	6.5		7.2	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	8	8	7.0		7.5	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	9	8	8.0		8.3	
33	33	Phạm Thị	Trang	8	8	7.0		7.5	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	8	8	7.0		7.5	
35	35	Thiều Minh	Tú	7	9	6.0		6.9	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	8	8	7.0		7.5	
37	37	Lê Anh	Tuấn	9	8	7.0		7.8	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	8	9	7.0		7.7	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	9	9	8.0		8.5	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	7	9	7.0		7.4	

Tên HP: Quản trị dự án

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	7	7	8.0		7.5	
2	2	Lê Quang	Anh	9	10	8.0		8.7	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	7	7	9.0		8.0	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	8	10	8.0		8.4	
5	5	Lê Công	Chiến	7	10	8.0		8.1	
6	6	Lê Văn	Cường	6.5	7	9.0		7.9	
7	7	Lê Bá	Đài	9	10	9.0		9.2	
8	8	Lê Thùy	Dung	7	8	8.0		7.7	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	8	10	8.0		8.4	
10	10	Lê Thu	Hà	7	8	9.0		8.2	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	9	9	7.0		8.0	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	6	8	8.0		7.4	
13	13	Hồ Thị	Hoa	7	7	7.0		7.0	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	6	8	9.0		7.9	
15	15	Ngô Duy	Hưng	9	10	7.0		8.2	
16	16	Lê Thị	Hương	8	10	9.0		8.9	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	7	7	8.0		7.5	
18	18	Lê Thị	Huyền	7	7	8.0		7.5	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	6	7	8.0		7.2	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	7	7	9.0		8.0	
21	21	Trần Cao	Nguyên	8	10	9.0		8.9	
22	22	Hoàng Thị	Phương	7	8	9.0		8.2	
23	23	Lê Đỗ	Quý	7	10	7.0		7.6	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	7	10	8.0		8.1	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	8	7	8.0		7.8	
26	26	Vũ Thị	Thuận	7	7	8.0		7.5	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	8	10	7.0		7.9	
28	28	Mai Đình	Thủy	7	10	9.0		8.6	
29	29	Phan Anh	Tiến	7	8	9.0		8.2	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	6	10	9.0		8.3	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	7	10	9.0		8.6	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	7.5	7	8.0		7.7	
33	33	Phạm Thị	Trang	8.5	8	9.0		8.7	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	8	7	9.0		8.3	
35	35	Thiều Minh	Tú	7	10	9.0		8.6	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	6	7	9.0		7.7	
37	37	Lê Anh	Tuấn	8.5	10	8.0		8.6	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	8	8	9.0		8.5	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	7	8	8.0		7.7	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	6	8	8.0		7.4	

Tên HP: Lãnh đạo và quản lý

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	8	8	8.0		8.0	
2	2	Lê Quang	Anh	10	8	8.0		8.6	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	6	8	8.0		7.4	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	10	8	7.0		8.1	
5	5	Lê Công	Chiến	10	8	8.0		8.6	
6	6	Lê Văn	Cường	8	8	9.0		8.5	
7	7	Lê Bá	Đài	10	8	9.0		9.1	
8	8	Lê Thùy	Dung	9	9	8.0		8.5	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	8	8	8.0		8.0	
10	10	Lê Thu	Hà	8	8	8.0		8.0	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	10	8	8.0		8.6	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	10	8	8.0		8.6	
13	13	Hồ Thị	Hoa	9	8	8.0		8.3	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	9	8	7.0		7.8	
15	15	Ngô Duy	Hưng	10	8	8.0		8.6	
16	16	Lê Thị	Hương	10	9	8.0		8.8	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	6	8	8.0		7.4	
18	18	Lê Thị	Huyền	6	8	8.0		7.4	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	9	8	7.0		7.8	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	8	8	8.0		8.0	
21	21	Trần Cao	Nguyên	9	9	8.0		8.5	
22	22	Hoàng Thị	Phương	9	8	8.0		8.3	
23	23	Lê Đỗ	Quý	10	9	9.0		9.3	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	10	8	8.0		8.6	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	7	8	8.0		7.7	
26	26	Vũ Thị	Thuận	9	8	8.0		8.3	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	10	9	8.0		8.8	
28	28	Mai Đình	Thủy	10	8	8.0		8.6	
29	29	Phan Anh	Tiến	9	8	8.0		8.3	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	10	9	9.0		9.3	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	9	8	8.0		8.3	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	8	8	8.0		8.0	
33	33	Phạm Thị	Trang	6	9	9.0		8.1	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	8	8	8.0		8.0	
35	35	Thiều Minh	Tú	10	8	8.0		8.6	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	6	8	8.0		7.4	
37	37	Lê Anh	Tuấn	10	8	8.0		8.6	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	9	8	8.0		8.3	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	9	8	8.0		8.3	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	9	8	8.0		8.3	

Tên HP: Quan hệ công chúng

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	7	9	8.5		8.2	
2	2	Lê Quang	Anh	9	9	7.0		8.0	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	9	9	7.5		8.3	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	8	8	8.0		8.0	
5	5	Lê Công	Chiến	9	8	8.5		8.6	
6	6	Lê Văn	Cường	8	9	8.5		8.5	
7	7	Lê Bá	Đài	9	9	8.5		8.8	
8	8	Lê Thùy	Dung	8	8	8.0		8.0	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	8	8	6.5		7.3	
10	10	Lê Thu	Hà	9	8	9.0		8.8	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	8	9	8.0		8.2	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	9	8	7.0		7.8	
13	13	Hồ Thị	Hoa	9	8	8.5		8.6	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	9	9	6.0		7.5	
15	15	Ngô Duy	Hưng	8	9	7.0		7.7	
16	16	Lê Thị	Hương	8	9	8.5		8.5	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	8	8	5.0		6.5	
18	18	Lê Thị	Huyền	8	9	9.0		8.7	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	8	8	6.0		7.0	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	8	8	8.0		8.0	
21	21	Trần Cao	Nguyên	9	9	8.0		8.5	
22	22	Hoàng Thị	Phương	9	9	7.0		8.0	
23	23	Lê Đỗ	Quý	9	8	8.0		8.3	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	9	8	6.0		7.3	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	9	8	7.0		7.8	
26	26	Vũ Thị	Thuận	8	9	8.5		8.5	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	8	9	5.5		7.0	
28	28	Mai Đình	Thủy	7	8	6.0		6.7	
29	29	Phan Anh	Tiến	8	8	7.0		7.5	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	7	8	7.0		7.2	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	9	8	7.5		8.1	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	8	9	9.0		8.7	
33	33	Phạm Thị	Trang	9	8	8.0		8.3	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	8	8	7.5		7.8	
35	35	Thiều Minh	Tú	8	8	7.5		7.8	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	8	8	7.0		7.5	
37	37	Lê Anh	Tuấn	8	8	7.5		7.8	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	9	8	6.5		7.6	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	8	9	9.0		8.7	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	8	8	6.0		7.0	

Tên HP: Hành vi tổ chức

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	9	9	7.5		8.3	
2	2	Lê Quang	Anh	9	9	7.5		8.3	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	8	8	7.5		7.8	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	8	8	7.5		7.8	
5	5	Lê Công	Chiến	9	9	8.0		8.5	
6	6	Lê Văn	Cường	8	8	7.0		7.5	
7	7	Lê Bá	Đài	9	8	8.5		8.6	
8	8	Lê Thùy	Dung	9	9	7.5		8.3	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	9	9	8.0		8.5	
10	10	Lê Thu	Hà	9	9	8.0		8.5	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	9	8	8.0		8.3	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	8	8	7.0		7.5	
13	13	Hồ Thị	Hoa	9	8	7.5		8.1	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	8	8	7.5		7.8	
15	15	Ngô Duy	Hưng	9	9	7.0		8.0	
16	16	Lê Thị	Hương	9	8	6.0		7.3	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	8	8	6.0		7.0	
18	18	Lê Thị	Huyền	9	8	7.5		8.1	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	8	9	7.5		8.0	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	8	9	8.0		8.2	
21	21	Trần Cao	Nguyên	8	8	6.0		7.0	
22	22	Hoàng Thị	Phương	8	9	8.0		8.2	
23	23	Lê Đỗ	Quý	9	8	7.5		8.1	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	9	9	6.0		7.5	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	8	8	6.0		7.0	
26	26	Vũ Thị	Thuận	9	9	8.5		8.8	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	9	8	7.5		8.1	
28	28	Mai Đình	Thủy	9	8	7.5		8.1	
29	29	Phan Anh	Tiến	8	8	7.0		7.5	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	8	8	7.5		7.8	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	8	8	8.0		8.0	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	8	8	6.0		7.0	
33	33	Phạm Thị	Trang	8	8	7.5		7.8	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	9	8	8.5		8.6	
35	35	Thiều Minh	Tú	8	8	8.0		8.0	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	8	8	6.0		7.0	
37	37	Lê Anh	Tuấn	9	9	7.5		8.3	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	9	9	7.0		8.0	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	9	9	8.0		8.5	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	8	9	7.5		8.0	

Tên HP: Ra quyết định quản trị

TT	SBD	Họ	Tên	Điểm đánh giá		Điểm thi HP		Điểm TBC HP	
				Đ1	Đ2	L1	L2	L1	L2
1	1	Lê Huy	Anh	8	7	8.5		8.1	
2	2	Lê Quang	Anh	9	9	7.5		8.3	
3	3	Lê Thị Phương	Anh	8	7	8.0		7.8	
4	4	Nguyễn Văn	Bẩy	8	7	8.0		7.8	
5	5	Lê Công	Chiến	9	9	8.0		8.5	
6	6	Lê Văn	Cường	9	7	8.5		8.4	
7	7	Lê Bá	Đài	8	9	8.5		8.5	
8	8	Lê Thùy	Dung	7	8	8.0		7.7	
9	9	Nguyễn Việt	Dũng	8	9	9.0		8.7	
10	10	Lê Thu	Hà	8	7	9.0		8.3	
11	11	Hoàng Ngọc	Hải	8	7	8.5		8.1	
12	12	Bùi Trung	Hiếu	9	8	8.5		8.6	
13	13	Hồ Thị	Hoa	8	8	8.5		8.3	
14	14	Nguyễn Văn	Hoàng	7	8	7.5		7.5	
15	15	Ngô Duy	Hưng	8	8	8.5		8.3	
16	16	Lê Thị	Hương	8	8	8.0		8.0	
17	17	Nguyễn Quang	Huy	8	7	7.5		7.6	
18	18	Lê Thị	Huyền	8	7	7.5		7.6	
19	19	Nguyễn Đức	Khang	8	9	8.5		8.5	
20	20	Nguyễn Thị	Nga	8	8	7.5		7.8	
21	21	Trần Cao	Nguyên	8	9	7.5		8.0	
22	22	Hoàng Thị	Phương	7	8	8.5		8.0	
23	23	Lê Đỗ	Quý	8	8	8.5		8.3	
24	24	Phùng Văn	Quỳnh	8	7	8.5		8.1	
25	25	Nguyễn Thế	Thăng	8	7	7.5		7.6	
26	26	Vũ Thị	Thuận	8	7	8.5		8.1	
27	27	Đỗ Huy	Thùy	8	8	8.5		8.3	
28	28	Mai Đình	Thủy	8	8	8.0		8.0	
29	29	Phan Anh	Tiến	8	8	8.0		8.0	
30	30	Đặng Hữu	Tiện	8	7	8.0		7.8	
31	31	Nguyễn Quỳnh	Trang	9	9	9.0		9.0	
32	32	Nguyễn Thị	Trang	8	7	7.5		7.6	
33	33	Phạm Thị	Trang	8	7	8.5		8.1	
34	34	Thiều Thị Thu	Trang	8	8	7.5		7.8	
35	35	Thiều Minh	Tú	9	9	8.0		8.5	
36	36	Đỗ Thanh	Tuấn	7	8	8.0		7.7	
37	37	Lê Anh	Tuấn	8	7	8.0		7.8	
38	38	Trịnh Anh	Tuấn	7	7	8.0		7.5	
39	39	Nguyễn Thị	Tuyến	7	7	8.0		7.5	
40	40	Nguyễn Thị	Tuyến	8	8	8.5		8.3	